

PHỤ LỤC V.2
DANH SÁCH 31 ĐỊA PHƯƠNG CHƯA ĐẠT CHỈ TIÊU BAO PHỦ BHYT NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố)

ST T	Địa phương	Dân số	Đã tham gia BHYT	Chưa tham gia BHYT	Chỉ tiêu năm 2026	Tỷ lệ hiện tại	Số cần phát triển thêm
1	Phường Hải Châu	108.159	97.330	10.829	95%	89,99%	5.422
2	Phường Thanh Khê	182.483	170.953	11.530	95%	93,68%	2.406
3	Phường An Hải	82.784	76.743	6.041	95%	92,70%	1.902
4	Phường Hòa Cường	106.036	98.846	7.190	95%	93,22%	1.889
5	Phường Sơn Trà	97.979	91.574	6.405	95%	93,46%	1.507
6	Xã Thăng Bình	47.193	43.663	3.530	95%	92,52%	1.171
7	Xã Thượng Đức	17.569	15.619	1.950	95%	88,90%	1.072
8	Xã Hà Nha	30.666	28.076	2.590	95%	91,55%	1.057
9	Xã Duy Nghĩa	26.584	24.201	2.383	95%	91,04%	1.054
10	Xã Thăng An	42.257	39.158	3.099	95%	92,67%	987
11	Xã Quế Phước	10.383	8.902	1.481	95%	85,74%	962
12	Xã Phú Thuận	22.360	20.342	2.018	95%	90,97%	900
13	Xã Vu Gia	22.084	20.229	1.855	95%	91,60%	751
14	Xã Đại Lộc	53.701	50.361	3.340	95%	93,78%	655
15	Xã Lãnh Ngọc	12.204	11.034	1.170	95%	90,41%	560
16	Xã Nông Sơn	17.120	15.720	1.400	95%	91,82%	544
17	Xã Xuân Phú	30.963	28.886	2.077	95%	93,29%	529
18	Xã Đồng Dương	19.299	17.844	1.455	95%	92,46%	491
19	Xã Bà Nà	21.628	20.127	1.501	95%	93,06%	420

ST T	Địa phương	Dân số	Đã tham gia BHYT	Chưa tham gia BHYT	Chỉ tiêu năm 2026	Tỷ lệ hiện tại	Số cần phát triển thêm
20	Xã Thăng Trường	22.253	20.747	1.506	95%	93,23%	394
21	Xã Thăng Điền	35.001	32.865	2.136	95%	93,90%	386
22	Xã Quế Sơn Trung	26.297	24.605	1.692	95%	93,57%	378
23	Xã Việt An	19.711	18.349	1.362	95%	93,09%	377
24	Xã Gò Nổi	24.953	23.468	1.485	95%	94,05%	238
25	Xã Thạnh Bình	19.816	18.601	1.215	95%	93,87%	225
26	Xã Hiệp Đức	12.802	12.064	738	95%	94,24%	98
27	Xã Trà My	17.320	16.361	959	95%	94,46%	93
28	Xã Phú Ninh	23.148	21.918	1.230	95%	94,69%	73
29	Xã Thu Bồn	29.831	28.281	1.550	95%	94,80%	59
30	Xã Thăng Phú	12.669	11.978	691	95%	94,55%	58
31	Xã Hòa Vang	22.490	21.355	1.135	95%	94,95%	11
TỔNG SỐ CẦN PHÁT TRIỂN THÊM ĐỂ 31 ĐỊA PHƯƠNG ĐẠT CHỈ TIÊU 95%							26.669